

BÀI ÔN LUYỆN TOÁN TUẦN 22

❖ Chủ đề: Các số đến 100

❖ Nội dung ôn luyện: Chục – số tròn chục; Các phép tính dạng $30 + 20$, $50 - 20$.

Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng nhất.

Câu 1. 40 gồm  và 1 chục.  là:

- A. 3
- B. 30
- C. 4

Câu 2. Bông hoa có số tròn chục là:



- A. 10; 80
- B. 18; 80
- C. 10; 15

Câu 3. Có bao nhiêu viên bi?

- A. 60
- B. 70
- C. 80



Câu 4. 50 chục là:

- A. 50
- B. 60
- C. 70

Câu 5. Điền vào ô trống: $90 - \square + 20 = 40$

A. 50

B. 60

C. 70

Câu 6.

?	-	70	=	10
---	---	----	---	----

A. 70

B. 80

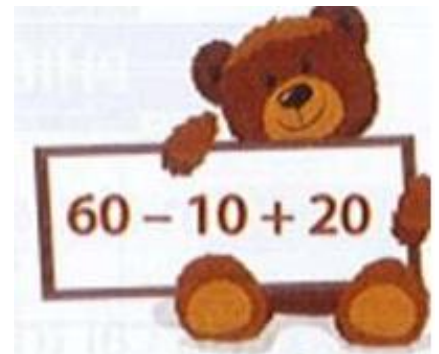
C. 90

Câu 7. Phép tính của Bạn Gấu có kết quả là:

A. 60

B. 70

C. 80



Câu 8. Phép tính nào có kết quả là 60?

A. $80 - 10 - 10$

B. $30 + 20$

C. $90 - 20$

Câu 9. $50 + \triangle = 70$. $\triangle$ là:

A. 40

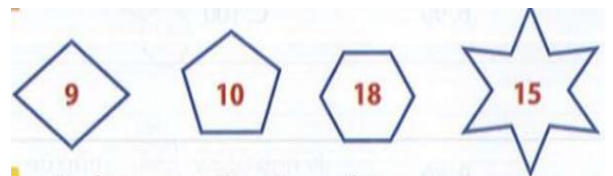
B. 30

C. 20

Câu 10. Số tròn chục là:

A. 15

B. 18



C. 10

Câu 11. Chín mươi được viết là:

A. 09

B. 90

C. 19

Câu 12. 6 chục gồm 4 chục và  .  là:

A. 20

B. 3 chục

C. 2

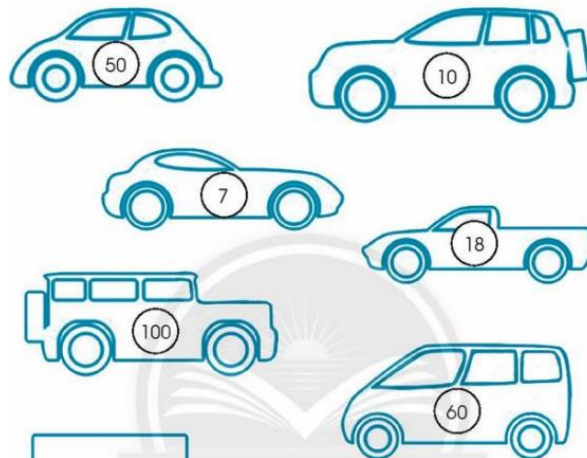
Câu 13. $80 =$  $- 10 .$  là:

A. 9

B. 90

C. 70

Câu 14. Có bao nhiêu số tròn chục trong hình dưới đây?



A. 4

B. 5

C. 6

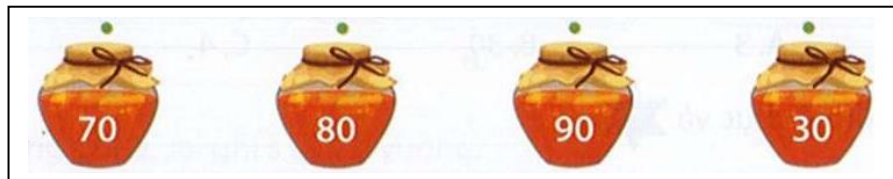
Câu 15. $20 + \square - 40 = 30$. $\square$ là:

A. 5

B. 40

C. 50

Câu 16. Lọ mật ong có số tròn chục lớn nhất là:



A. 90

B. 80

C. 30

Câu 17. Các số lần lượt được điền vào là:



A. 30; 50; 60; 90

B. 3; 50; 6; 90

C. 30; 50; 60; 9

Câu 18. Phép tính của bạn Gấu có kết quả là:

A. 13

B. 30

C. 40



Câu 19. Sắp xếp các số tròn chục sau theo thứ tự từ bé đến lớn: 70; 20; 50; 80

A. 80; 70; 50; 20

B. 20; 50; 70; 80

C. 20; 50; 80; 70

Câu 20. $80 < \square + 70$?

A. 10

B. 2

C. 20

ĐÁP ÁN BÀI ÔN LUYỆN TUẦN 22

CÂU	ĐÁP ÁN
1	B
2	A
3	C
4	A
5	C
6	B
7	B
8	A
9	C
10	C
11	B
12	A
13	B
14	A
15	C
16	A
17	A
18	B
19	B
20	C